TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TPHCM
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

THUẾ

Giảng viên: ThS. Nguyễn Lê Hồng Vỹ

Chương 5:

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Căn cứ pháp lý

- ✓Luật số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009.
- ✓Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế TNDN
- ✓Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/208 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- ✓Thông tư số 18/2011/TT-BTC ngày 10/02/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5.1 Khái niệm và mục đích:

5.1.1 Khái niệm: Là loại thuế trực thu đánh trên phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí được trừ liên quan đến thu nhập của cơ sở SXKD.

5.1.2 Mục đích

- ✓Tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.
- ✓Điều tiết kinh tế vĩ mô phù hợp với từng ngành nghề.
- ✓Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước thông qua các chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế.
- ✓Tạo sự công bằng cho các doanh nghiệp.

5.2 Đối tượng nộp thuế thu nhập DN

5.2.1 Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

✓Là **tổ chức** hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.

5.2.2 Thu nhập chịu thuế

- **Thu nhập chịu thuế** là thu nhập từ hoạt động SXKD HHDV và thu nhập khác như chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng BĐS, cho thuê, thanh lý tài sản, nhận lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản bị bỏ sót các năm trước kể cả bên ngoài Việt Nam.

5.2 Đối tượng nộp thuế thu nhập DN

5.2.3 Thu nhập không chịu thuế:

✓Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

✓Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp như tưới tiêu, cày bừa, nạo vét kênh mương, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch sản phẩm…

✓Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng NCKH phát triển CN; từ doanh thu bán sản phẩm trong thời kỳ SX thử nghiệm; sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại VN.

✓Thu nhập từ hoạt động SXKD của DN có trên 51% số LĐ là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV

5.2 Đối tượng nộp thuế thu nhập DN

5.2.3 Thu nhập không chịu thuế (tt):

- ✓Thu nhập hoạt động dạy nghề cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, đối tượng tệ nạn XH, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (nếu có cả đối tượng khác thì tính theo tỷ lệ tương ứng trong tổng số học viên để miễn thuế)
- ✓Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần liên doanh với DN trong nước sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế thu nhập DN.
- ✓Các khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động XH khác tại VN.

5.3 Thuế suất thuế thu nhập DN

25% → **Là mức thuế suất thông thường, phổ biến hiện nay**

32% đến 50% → **Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí, tài nguyên quý hiếm tại Việt Nam**

(bạch kim, vàng, bạc, thiếc, đá quý…)

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

5.4.1 Kỳ tính thuế:

- ✓Kỳ tính thuế được xác định theo **năm dương lịch** hoặc theo **năm tài chính**.
- ✓Kỳ tính thuế năm đầu tiên đối với DN mới thành lập và kỳ tính thuế năm cuối cùng của DN chuyển đổi, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản nếu ít hơn 03 tháng thì tính chung với kỳ tính thuế sau đó hoặc trước đó.
- ➢Như vậy, kỳ tính thuế mới trong 2 trường hợp này cũng không vượt quá 15 tháng.

Nộp thuế, tính thuế bằng đồng tiền Việt Nam.

5.4.2 Phương pháp tính thuế

Phần A:
THUẾ THU NHẬP DOANHNGHIỆP TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

Thuế TNDN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế (đã trừ trích quỹ KHCN)	x	Thuế suất thuế TNDN

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Thu nhập được miễn thuế	-	Các khoản lỗ được kết chuyển

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu	-	Chi phí được trừ	+	Các khoản thu nhập khác

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Lỗ và kết chuyển lỗ theo quy định

- ✓Nếu DN bị lỗ thì được chuyển lỗ của năm đó vào thu nhập chịu thuế của những năm sau. Thời gian chuyển lỗ liên tục **không quá 5 năm**. Sau 5 năm nếu không bù trừ hết số lỗ thì sẽ không được giảm trừ tiếp cho các năm sau.
- ✓DN chuyển đổi loại hình, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản mà bị lỗ thì kết chuyển số lỗ vào doanh nghiệp mới.
- ✓DN liên doanh khi có quyết định giải thể mà bị lỗ thì số lỗ đó được phân bổ cho các bên tham gia liên doanh.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Quy định về trích lập quỹ KH&CN

(1) Doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế.

(2) Trong thời hạn 5 năm kể từ khi trích, nếu quỹ không sử dụng hết 70%, hoặc sử dụng không đúng mục đích thì DN phải nộp thuế TNDN tương ứng và lãi phát sinh 0,05%/ngày.

(3) Quỹ phát triển KH&CN của DN chỉ được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại VN và phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

(4) DN không được hạch toán các khoản chi từ quỹ KH&CN vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN:

✓Là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền cung cấp dịch vụ, bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

(1) Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế là **doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT**.

▪ **Ví dụ 5.1**: DN có hóa đơn bán hàng ghi giá bán 90 trđ, tiền thuế GTGT 10% là 9 trđ, giá thanh toán 99 trđ. Vậy doanh thu để tính thu nhập chịu thuế của DN này là **90 triệu đồng**.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

(2) Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT là **doanh thu bao gồm cả thuế GTGT**.

- **Ví dụ 5.2:** DN là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp có hóa đơn bán hàng chỉ ghi giá bán là 55 triệu đồng (giá này đã bao gồm thuế GTGT)

➢ Doanh thu của doanh nghiệp được xác định để tính thu nhập chịu thuế là giá đã bao gồm VAT: **55 triệu đồng**.

✓DN nộp thuế VAT theo phương pháp trực tiếp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và xem đó như giá vốn nên doanh thu được tính bao gồm cả VAT.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Thời điểm xác định doanh thu để tính TN chịu thuế

✓Đối với việc bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng HH cho người mua.

✓Đối với cung ứng DV là thời điểm hoàn thành việc cung ứng DV hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng DV.

- Trường hợp thời điểm lập hóa đơn trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu được tính theo thời điểm lập hóa đơn.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Xác định doanh thu trong 1 số trường hợp khác:

✓Đối với HHDV bán theo phương thức trả góp, trả chậm là tiền bán hàng hóa, dịch vụ trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi trả góp, tiền lãi trả chậm.

✓Đối với HHDV dùng để trao đổi; biếu, tặng, cho; tiêu dùng nội bộ được xác định theo giá bán của HHDV tương đương trên thị trường tại thời điểm đó.

✓Đối với hoạt động gia công hàng hóa là tiền thu về từ hoạt động gia công bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác liên quan.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Xác định doanh thu trong 1 số trường hợp khác:

✓Đối với hàng hóa gởi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

- Đối với bên giao hàng hóa là tổng số tiền bán hàng hóa;
- Đối với bên nhận làm đại lý là tiền hoa hồng được hưởng.

✓Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Nếu bên thuê trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu được phân bổ cho số năm trả trước.

✓Đối với hoạt động tín dụng, hoạt động cho thuê tài chính là tiền lãi cho vay, doanh thu về cho thuê tài chính phải thu phát sinh trong kỳ tính thuế.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Xác định doanh thu trong 1 số trường hợp khác:

✓Đối với hoạt động vận tải là toàn bộ doanh thu vận chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý phát sinh trong kỳ tính thuế.

✓Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là số tiền cung cấp điện, nước sạch ghi trên hóa đơn GTGT.

✓Đối với hoạt động KD sân gôn là tiền bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn và các khoản thu khác trong kỳ tính thuế.

✓Đối với hoạt động KD bảo hiểm và tái bảo hiểm là số tiền thu phí BH, thu phí về dịch vụ đại lý, thu phí nhận tái BH; thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Xác định doanh thu trong 1 số trường hợp khác:

✓Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công trình xây dựng, lắp đặt nghiệm thu.

✓Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh là doanh thu các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo từng trường hợp cụ thể.

✓Đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng là số tiền thu từ hoạt động này bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Xác định doanh thu trong 1 số trường hợp khác:

✓Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán, doanh thu được xác định là các khoản thu từ dịch vụ môi giới, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, chứng chỉ quỹ, tổ chức thị trường và các dịch vụ chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

✓Đối với dịch vụ tài chính phái sinh là số tiền thu từ việc cung ứng các dịch vụ tài chính phái sinh thực hiện trong kỳ tính thuế.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

▪ **Ví dụ 5.3:** Trong năm cơ sở A nhận làm đại lý tiêu thụ lô hàng cho công ty B (là DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) với giá bán chưa VAT theo đúng giá quy định là 16.000 trđ, thuế suất GTGT là 10%. Hoa hồng cơ sở A được hưởng 5% trên giá bán chưa VAT. Tuy nhiên cơ sở A chỉ bán với giá 15.500 trđ.

➢ Doanh thu của công ty B vẫn là giá bán theo giá đã quy định ban đầu là : **16.000 triệu đồng**.

➢ Doanh thu của cơ sở A là tiền hoa hồng được hưởng trên giá quy địnhban đầu: **16.000 trđ * 5% = 800 triệu đồng**.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Các khoản chi phí được trừ:

▪ Trừ các khoản chi không được trừ theo quy định, DN được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

✓Chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD.

✓Có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định.

▪ Phần giá trị tổn thất do thiên tai, bất khả kháng…

✓Doanh nghiệp tự xác định giá trị tổn thất theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổn thất được bồi thường thì giá trị tổn thất được xác định trừ đi phần đã được bồi thường.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Các khoản chi phí không được trừ:

✓Các khoản tiền phạt do vi phạm hành chính.

✓Chi khấu hao đối với TSCĐ không sử dụng cho hoạt động SXKD; TSCĐ đã khấu hao hết giá trị; TSCĐ không có giấy tờ, hoặc không được quản lý theo chế độ kế toán hiện hành.

✓Quyền sử dụng đất lâu dài

✓Chi nguyên vật liệu, nhiên liệu vượt mức tiêu hao hợp lý.

✓Tiền lương, tiền công của chủ DNTN, chủ công ty TNHH 1 thành viên; thù lao trả cho các sáng lập viên, hội đồng thành viên, HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành SXKD.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Các khoản chi phí không được trừ (tt):

✓Phần chi trang phục bằng hiện vật cho người lao động không có hóa đơn, chứng từ hoặc quá mức quy định.

✓Chi thưởng sáng kiến mà DN không có quy định cụ thể.

✓Chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.

✓Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do NHNN công bố tại thời điểm vay.

✓Các khoản chi phí trích trước theo kỳ hạn mà đến kỳ hạn chưa chi hoặc chi không hết.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Các khoản chi phí không được trừ (tt):

✓Chi trả lãi tiền vay để góp vốn điều lệ

✓Chi đầu tư XDCB trong giai đoạn đầu tư, hình thành TSCĐ

✓Thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế TNDN; thuế TN cá nhân.

✓Các khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác…

✓Các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế; các khoản chi khác không đúng, không hợp lệ hoặc các khoản chi vượt định mức theo quy định hiện hành.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

▪ **Ví dụ 5.4:** Trong năm cơ sở A nhận làm đại lý tiêu thụ lô hàng cho công ty B (là DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) với giá bán chưa VAT theo đúng giá quy định là 16.000 trđ, thuế suất GTGT là 10%. Hoa hồng cơ sở A được hưởng 5% trên giá bán chưa VAT. Tuy nhiên cơ sở A chỉ bán với giá 15.500 trđ.

➢ Chi phí được trừ của công ty B chính là tiền hoa hồng trả cho cơ sở A: **800 triệu đồng**.

➢ Chi phí được trừ của cơ sở A là phần bán giảm giá so với giá quy định: 16.000 trđ – 15.500 = **500 triệu đồng**.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

▪ **Ví dụ 5.5:** Một cơ sở trong năm SX được 1.000 sp và đã bán được 800 sp (cty không có hàng tồn kho đầu năm). Chi phí trong năm như sau: Khấu hao TSCĐ 200 trđ, chi phí vật liệu 800 trđ, các chi phí khác phục vụ SX ra sp là 500 trđ. Chi phí trực tiếp bán hàng là 250 trđ.

➢ **Chi phí được trừ trong năm để tính thu nhập là**:

✓ Chi phí phân bổ cho hàng tiêu thụ trong năm:

800/1000 * (200 + 800 + 500) = 1.200 triệu đồng.

✓ Tổng chi phí được trừ trong năm:

1.200 trđ + 250 trđ = **1.450 triệu đồng**.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

▪ **Ví dụ 5.6:** Doanh nghiệp A trong năm mua của 1 DN trong KCX 800 sp B với giá 250.000 đ/1sp. Chi phí vận chuyển từ KCX về kho do bên mua chịu là 20 triệu đồng. Thuế suất thuế nhập khẩu và thuế GTGT là 10%.

➢ **Chi phí được trừ để tính thu nhập của DN A là**:

✓Giá mua bao gồm cả thuế nhập khẩu:

800 * 250.000 * (1 + 10%) = 220 triệu đồng.

✓Tổng chi phí được trừ trong năm:

220 trđ + 20 trđ = **240 triệu đồng**.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ **Các khoản thu nhập khác:**

(1) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chứng khoán.

(2) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

(3) Thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

(4) Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản,các loại giấy tờ có giá khác.

(5) Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn.

(6) Thu nhập từ KD ngoại tệ; lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái

(7) Khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Các khoản thu nhập khác:

(8) Khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ.

(9) Chênh lệch giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do bên đối tác vi phạm hợp đồng kinh tế.

(10) Quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật.

(11) Khoản tiền hoàn thuế xuất, nhập khẩu của hàng hóa đã thực xuất khẩu, thực nhập khẩu phát sinh của các năm quyết toán thuế TNDN trước.

(12) Các khoản thu nhập nhận được bằng tiền hoặc hiện vật từ các nguồn tài trợ.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Các khoản thu nhập khác:

(13) Hoàn nhập các khoản dự phòng.

(14) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản.

(15) Tiền đền bù TSCĐ trên đất sau khi trừ chi phí liên quan.

(16) Thu nhập về tiêu thụ phế liệu, phế phẩm.

(17) Thu nhập từ hoạt động SXKD ở nước ngoài

(18) Các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật chưa tính vào trong doanh thu.

5.4 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Đối với đơn vị sự nghiệp:

Trường hợp đơn vị có phát sinh hoạt động SXKD thuộc đối tượng chịu thuế TNDN với mức thuế suất 25% mà chỉ hạch toán được doanh thu nhưng không hạch toán và xác định được chi phí, thì thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán HHDV như sau:

+ Dịch vụ : 5%
+ Kinh doanh hàng hóa : 1%
+ Các hoạt động khác : 2%

5.5 Ưu đãi thuế, miễn giảm thuế

5.5.1 Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN:

✓Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định và đăng ký, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

❖Nguyên tắc:

✓Trong thời gian ưu đãi thuế mà DN thực hiện nhiều hoạt động SXKD thì phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động SXKD được ưu đãi thuế.

✓DN thành lập mới từ dự án đầu tư là DN đăng ký KD lần đầu trừ 1 số trường hợptheo quy định.

5.5 Ưu đãi thuế, miễn giảm thuế

5.5.2 Ưu đãi thuế suất và thời gian miễn, giảm

✓Thuế suất ưu đãi **10%** trong thời hạn **15 năm** áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ: dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn; tại khu kinh tế, khu công nghệ cao; dự án NCKH&PTCN; dự án đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

➢ Miễn thuế 4 năm, giảm thuế 50% trong 9 năm tiếp theo.

5.5 Ưu đãi thuế, miễn giảm thuế

5.5.2 Ưu đãi thuế suất và thời gian miễn, giảm (tt)

✓Thuế suất ưu đãi **10%** có thể kéo dài thêm nhưng tổng thời gian áp dụng không quá 30 năm theo Quyết định của Thủ tướng CP căn cứ theo đề nghị của Bộ trưởng BTC.

✓Thuế suất **10%** trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa như giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa...

➢ Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo cho DN hoạt động trong lĩnh vực XH hóa nhưng không thuộc danh mục địa bàn khó khăn.

5.5 Ưu đãi thuế, miễn giảm thuế

5.5.2 Ưu đãi thuế suất và thời gian miễn, giảm (tt)

✓Thuế suất ưu đãi **20%** trong thời gian **10 năm** đối với DN thành lập mới tại địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn quy định tại Nghị định 128/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của CP.

➢Miễn thuế 2 năm và giảm thuế 50% trong 4 năm tiếp theo đối với DN mới tại địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn.

✓Thuế suất ưu đãi **20%** trong suốt thời gian hoạt động được áp dụng đối với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và Quỹ tín dụng nhân dân.

5.6 Nộp thuế, quyết toán thuế

5.6.1 Nộp thuế

✓Doanh nghiệp nộp thuế tại nơi có trụ sở chính. Nếu có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc khác địa bàn nộp thuế thì căn cứ vào tỷ lệ chi phí của cơ sở sản xuất so với tổng chi phí của doanh nghiệp.

Thuế TNDN tại cơ sở phụ thuộc	**=**	**Tổng thuế TNDN phải nộp trong kỳ**	**X**	**Tỷ lệ chi phí**

5.6 Nộp thuế, quyết toán thuế

5.6.2 Quyết toán thuế

✓Quyết toán thuế TNDN tại nơi có trụ sở chính.

✓Số thuế TNDN còn phải nộp hoặc hoàn khi quyết toán cũng được phân bổ theo đúng tỷ lệ tại nơi có trụ sở chính và tại nơi có các cơ sở sản xuất phụ thuộc.

Phần B:

THUẾ THU NHẬP DOANHNGHIỆP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

5.7 Thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán

5.7.1 Thu nhập chịu thuế

✓Thu nhập có được từ chuyển nhượng số vốn của doanh nghiệp đã đầu tư.

✓Thu nhập có được từ chuyển nhượng chứng khoán

Thuế TNDN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế	X	Thuế suất

5.7 Thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán

❖ Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn

Thu nhập tính thuế	=	Giá chuyển nhượng	-	Giá mua của phần vốn chuyển nhượng	-	Chi phí chuyển nhượng

Trong đó: *Giá chuyển nhượng* là tổng giá trị thực tế chuyển nhượng; *Giá mua* được xác định trên cơ sở sổ sách, chứng từ; *Chi phí chuyển nhượng bao gồm*: chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng

5.7 Thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán

❖ **Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng CK**

Thu nhập tính thuế	=	Giá bán chứng khoán	-	Giá mua của chứng khoán chuyển nhượng	-	Chi phí chuyển nhượng

5.7.2 Thuế suất : 25%

Thuế suất 25% cho hoạt động chuyển nhượng vốn và chuyển nhượng chứng khoán.

Phần C:

THUẾ THU NHẬP DOANHNGHIỆP TỪ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

(Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất…)

5.8 Thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS

Thuế TNDN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế	X	Thuế suất 25%

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Lỗ của hoạt động chuyển nhượng BĐS của các năm trước

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu từ chuyển nhượng BĐS	-	Giá vốn của BĐS	-	Chi phí chuyển nhượng

5.8 Thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS

❖Thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS

✓Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS phải xác định riêng để kê khai nộp thuế. Không áp dụng mức thuế suất ưu đãi; thời gian miễn thuế, giảm thuế.

✓Trường hợp hoạt động chuyển nhượng BĐS bị lỗ thì khoản lỗ này không được bù trừ với thu nhập từ hoạt động SXKD và thu nhập khác mà được chuyển lỗ vào thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS của các năm sau (nếu có).

✓Thời gian chuyển lỗ tối đa không quá 5 năm liên tục, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.